TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2019
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Nguyễn Quốc Vinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14/03/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2019 và thông báo dời số 04/2019/TB-TA, ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà A1 khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh D.

- Bị đơn: Chị Lâm Thị Đa N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số nhà A2 khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh D.

(Nguyên đơn có mặt và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/03/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Đào P trình bày:

Vào năm 2007, anh Đào P với chị Lâm Thị Đa N có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/8/2012. Sau khi kết hôn, chung sống tại nhà cha mẹ ruột chị N tại số nhà A1, khóm A, phường B, thị xã C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011. Nhưng đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn thường xảy ra cãi vã không còn hạnh phúc nữa. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lâm Thị Đa N.

- Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011 muốn sống với cha hay mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp tôi được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do anh Đào P giao nộp là 01 Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và 01 Sổ hộ khẩu của anh Đào P; 01 Trích lục kết hôn giữa anh Đào P với chị Lâm Thị Đa N; Trích lục khai sinh của cháu Đào Thị Mỹ H và cháu Đào Ph; Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Tại các phiên hòa giải và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/4/2019 và ngày 12/4/2019 nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định về tài sản chung đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Lâm Thị Đa N trình bày: Chị N và anh Đào P kết hôn vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2012. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu và có 02 con chung cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011. Do bất đồng quan điểm, anh P không chung thủy, có qua lại với người

phụ nữ khác nên làm phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa. Nay anh Đào P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị N đồng ý ly hôn với điều kiện anh P phải trả lại cho chị N 02 cây vàng 24k để nuôi con nếu không thì chị N không đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng: Tùy theo nguyện vọng của cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011 muốn sống với cha hay mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp chị N được quyền nuôi con chung, chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Lâm Thị Đa N khẳng định trước đây là đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu anh P trả lại 02 cây vàng 24k mà anh P đã bán để nuôi con.

- Về nợ chung: Chị Lâm Thị Đa N khẳng định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Lâm Thị Đa N đồng ý với tài liệu, chứng cứ do anh P giao nộp và nộp tài liệu là bản tự khai, đề ngày 23/3/2019 và đơn trình bày ý kiến đề ngày 21/5/2019.

Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh về việc nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và nguyện vọng của con chung (BL 44).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh P được ly hôn với chị Lâm Thị Đa N vì trên thực tế cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại mục đích hôn nhân không đạt được; Con chung: giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu Ph (theo nguyện vọng của cháu H và cháu Ph); Không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc giáo dục của cha mẹ đối với con chung. Về cấp dưỡng: anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời

gian cấp dưỡng tính từ ngày 04/6/2019; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; anh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đào P khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị Lâm Thị Đa N. Yêu cầu của anh P được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của anh P và chị N về việc anh chị được Ủy ban nhân dân phường B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2012 là sự thật. Vì vậy, giữa anh Đào P và chị Lâm Thị Đa N đang tồn tại hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường mâu thuẫn cãi vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, hiện nay anh P và chị N không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, anh P và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh P được ly hôn với chị N.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao con chung là cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011 cho chị Lâm

Thị Đa N được quyền trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phiên, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom chăm sóc giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Nguyên đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Riêng yêu cầu về đòi lại 02 cây vàng 24k của bị đơn, bị đơn có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Đào P phải chịu là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đào P được ly hôn với chị Lâm Thị Đa N.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyên đơn anh Đào P và bị đơn chị Lâm Thị Đa N thống nhất giao con chung là cháu Đào Thị Mỹ H (Nữ), sinh ngày 06/9/2008 và cháu Đào Ph (Nam), sinh ngày 04/5/2011 cho chị Lâm Thị Đa N được quyền trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh P phải cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 04/6/2019. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh P, không ai có quyền ngăn cản sự thăm nom chăm sóc giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đào P phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007852 ngày 14/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy anh P đã nộp xong tiền án phí hôn nhân.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào P phải chịu là 300.000 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

NGUYỄN NGỌC THANH